

# Luận bàn về tết cổ truyền của các dân tộc thiểu số ở Nam Trung Bộ Việt Nam

(Qua nghiên cứu lễ hội cổ truyền của dân tộc Chăm và Raglai ở Ninh Thuận)

**Phan Quốc Anh**

Trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh

Email liên hệ: phanquocanhmusic@gmail.com

**Tóm tắt:** Tết là thời điểm thay đổi khí hậu, là thời điểm chuyển mùa. Thời điểm chuyển từ mùa đông sang mùa xuân được coi là thời điểm tết năm mới, trùng khớp với âm lịch của người Việt. Nhưng thời điểm chuyển mùa một cách rõ rệt đó chỉ đúng với thời tiết từ đèo Hải Vân trở ra. Còn từ đèo Hải Vân trở vào, thời điểm được coi là tết không phải là thời điểm chuyển mùa. Qua nghiên cứu về thời gian của một số lễ hội như *Ka tê*, lễ hội *Rija Nugar* của dân tộc Chăm, lễ *Ăn mừng lúa mới* của người Raglai ở Nam Trung Bộ, có thể thấy thời điểm chuyển mùa được gọi là tết không trùng với thời điểm tết nguyên đán của người Việt.

**Từ khóa:** Tết cổ truyền, lễ hội chuyển mùa, văn hóa Chăm, văn hóa Raglai

## **On the traditional tet of ethnic minorities in the Southern Central of Vietnam (Cases of traditional festivals of Cham and Raglai ethnic groups in Ninh Thuan)**

**Abstract:** Tet is considered a time of changing seasons that marks the end of winter and the beginning of spring. This transition is regarded as the time of the Lunar New Year, which coincides with the Viet (Kinh people)'s the lunar calendar. Nevertheless, such a clear change of seasons is only actual for the weather from Hai Van Pass forward, while from Hai Van Pass backward, Tet is not the time for change between the seasons. The festivals such as *Ka tê* and *Rija Nugar* of Cham people as well as new rice celebration of the Raglai in the Southern Central region illustrate that their Tet and the Viet (Kinh people)'s one takes place at the different time..

**Keywords:** Traditional Tet, seasonal festivals, Cham culture, Raglai culture

**Ngày nhận bài:** 10/11/2021

**Ngày duyệt đăng:** 20/01/2022

### **1. Đặt vấn đề**

Mỗi dân tộc trên thế giới đều có tết năm mới của riêng mình. Tùy theo phong tục tập quán, điều kiện địa lý, điều kiện lịch sử văn hoá mà mỗi dân tộc tổ chức đón tết khác nhau về hình thức, nội dung, tính cộng đồng và cả thời điểm đón tết. Từ khi xuất hiện dương lịch, đa số các dân tộc ở phương Tây đón tết theo dương lịch, người Việt ta thường gọi là "tết tây". Ở một số cộng đồng tôn giáo có lịch riêng (khác với dương lịch), lễ hội chính của tôn giáo đó được coi như là "tết" của họ. Đa số các dân tộc phương Đông đón tết theo âm lịch (tết ta). Nhưng một số dân tộc thiểu số ở các tỉnh Nam Trung bộ (và cả một số dân tộc thiểu số ở các tỉnh Tây Nguyên) lại đón tết ở những thời điểm khác. Bài viết này đi tìm nguyên nhân của sự khác biệt

về về “tết” giữa các dân tộc thiểu số ở Nam Trung Bộ với tết của người Việt, thông qua nghiên cứu một số lễ hội cổ truyền của người Chăm và Raglai.

## **2. Tết Nguyên đán của người Việt và lễ hội chuyển mùa của các dân tộc thiểu số Nam Trung Bộ**

### **2.1. Tết nguyên đán – sự chuyển mùa từ đông sang xuân.**

Theo các nhà nghiên cứu dân tộc học, chữ “Tết” của người Việt xuất xứ từ chữ Hán đọc theo âm Hán Việt là “Tiết”, có nghĩa là đốt tre, đốt trúc, mở rộng nghĩa là phân các đoạn thời gian trong năm. Cư dân nông nghiệp trồng lúa nước thời xa xưa chia thời gian thành hai phần chính: phần thời vụ và phần nông nhàn. Tết là điểm giao thời giữa năm cũ và năm mới, giữa một chu kỳ vận hành của đất trời, vạn vật cỏ cây. Hai chữ “Nguyên Đán” có gốc chữ Hán; “nguyên” có nghĩa là sự khởi đầu hay sơ khai và “đán” là buổi sáng sớm. Cho nên đọc đúng phiên âm phải là “Tiết Nguyên Đán”. Tết Nguyên Đán được người Việt Nam gọi với cái tên rất thân thương “Tết ta”, là để phân biệt với “Tết tây” (Tết Dương lịch).

Vì Âm lịch là lịch theo chu kỳ vận hành của mặt trăng nên Tết Nguyên Đán muộn hơn Tết Dương lịch. Do quy luật 3 năm nhuận một tháng của Âm lịch nên ngày đầu năm của dịp Tết Nguyên Đán không bao giờ trước ngày 21 tháng 1 Dương lịch và sau ngày 19 tháng 2 Dương lịch mà thường rơi vào khoảng cuối tháng 1 đến giữa tháng 2 Dương lịch.

Tết Nguyên đán trùng với thời điểm chuyển từ mùa đông băng giá sang mùa xuân ấm áp. Đến ngày này thời tiết ấm dần lên và những hạt mưa xuân bắt đầu rơi làm cho muôn hoa đua nở. Không khí tết tràn về khắp mọi nẻo đường, vào từng ngõ xóm, vào từng căn nhà rất rõ rệt. Nhưng cùng thời điểm đó, vùng đất phía nam từ đèo Hải Vân trở vào, thời tiết không có gì thay đổi vì chưa đến thời điểm chuyển mùa. Nhưng cùng với cả nước và những dân tộc ăn tết theo âm lịch, không khí tết cũng tràn đến, nhưng cảm giác tết không rõ ràng như ở miền Bắc có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Các dân tộc thiểu số ở Nam Trung Bộ từ xưa đến nay không ăn tết nguyên đán. Đến thời điểm chuyển mùa, chuyển từ mùa khô sang mùa mưa, vào khoảng tháng 3, tháng 4 dương lịch, các dân tộc nơi đây mới tổ chức các lễ hội nông nghiệp để cầu mưa, cầu mùa có tính chất “tết”.

### **2.2. Lễ hội “chuyển mùa” của các dân tộc thiểu số Nam Trung Bộ**

Cũng như người Kinh, các dân tộc ở phía ở miền Trung Việt Nam đều là cư dân nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á, sống phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu và những điều kiện tự nhiên khác. Suốt quá trình lịch sử, do nhận thức và trình độ khám phá, chinh phục tự nhiên còn hạn chế, con người luôn sợ hãi thiên nhiên, nhìn đâu cũng thấy thần, một thế lực siêu nhiên, hình thành nên tín ngưỡng vạn vật hữu linh và phát triển thành tín ngưỡng đa thần. Để cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, con người làm các nghi lễ cầu cúng thần linh (tự nhiên thần và nhân thần). Từ những lễ thức cúng bái được gọi là phần “Lễ”, dần dần con người đưa thêm vào phần “Hội” để dân làng vui chơi nhảy múa, hát giao duyên, diễn xướng dân gian vào các nghi lễ cầu mưa, cầu mùa hoặc mừng vui vì được mùa. Những nghi lễ ấy dần dần trở thành lễ hội truyền thống. Hầu như tất cả các dân tộc trên thế giới đều có lễ hội truyền thống được hình thành từ thời kỳ văn hoá nguyên thủy. Trong ứng xử với tự nhiên, người dân nông nghiệp luôn “thần linh” hóa các hiện tượng tự nhiên liên quan đến trồng trọt. Từ đó, hệ thống lễ nghi nông nghiệp được hình thành, duy trì và phát triển cho đến ngày nay. Thời điểm diễn ra lễ hội thường phụ thuộc vào các chu kỳ thời tiết trong năm. Trong một năm, thời điểm giao mùa quan trọng nhất như mùa đông sang mùa xuân, mùa khô sang mùa mưa để cho muôn

hoa đua nở, cây trái nảy lộc đâm chồi, tươi cho ruộng đồng khô cháy suốt nửa năm qua và đây cũng trở thành các nghi lễ cầu mưa, “tống cựu nghênh tân”, đón một chu kỳ năm mới.

Khác với người Việt đón tết vào năm mới theo âm lịch được tính theo chu kỳ vận động giữa mặt trăng, phù hợp với “chuyển mùa” từ đông sang xuân ở các tỉnh từ phía Bắc đèo Hải Vân trở ra, thời điểm đón năm mới của các dân tộc ở các tỉnh Nam Trung Bộ (từ Đà Nẵng trở vào phía Nam) có khác bởi khí hậu ở hai miền nam - bắc (lấy đèo Hải Vân làm ranh giới) khác nhau. Trong khi ở miền Bắc có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông rõ rệt thì ở các tỉnh phía Nam, biểu hiện của khí hậu bốn mùa không rõ rệt mà chỉ có hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Trong khi ở miền Bắc, tết được đánh dấu ở mốc chuyển từ mùa đông lạnh giá sang mùa xuân ấm áp rất rõ thì ở miền Nam, dấu ấn là sự chuyển từ mùa khô hạn, nóng bức sang mùa mưa mát mẻ và bắt đầu một mùa vụ mới. Người nông dân trồng lúa nước ở các tỉnh Nam Trung Bộ rất cần mưa, nhất là ở vùng địa lý này luôn khô hạn và nắng cháy, ít mưa. Vì vậy, thời điểm này, hầu hết các dân tộc phía nam đều có các lễ hội cầu mưa, thể hiện rõ nhất và còn lưu giữ đến ngày nay là tiểu lễ phồn thực để cầu mưa trong lễ hội Rija Nugar (lễ tống ôn) của người Chăm hay lễ “ăn đầu lúa” của người Raglai.

### **3. “Tết năm mới” – lễ hội chuyển mùa của người Chăm**

#### **3.1. Về lễ hội Ka Tê – lễ hội lớn nhất và đang được coi là “tết” của người Chăm**

Dân tộc Chăm có hàng trăm lễ hội dày đặc quanh năm. Trong đó có lễ hội đáng chú ý là lễ hội Ka Tê của người Chăm Ahier (Chăm ảnh hưởng Bà La Môn), lễ hội Ramuvan (của người Chăm Awal - Chăm Bà Ni) và lễ hội Rija Nugar chung cho cả cộng đồng người Chăm ở Panduraga (Ninh Thuận và Bình Thuận). Hiện nay, đối với cộng đồng người Chăm Ahier trên vùng đất Panduranga, lễ hội Ka Tê là lễ hội lớn nhất trong năm. Lễ hội Ka Tê được gọi là “*Băng Ka tê*”, “*tết Ka tê*” và coi nó như “tết” của người Chăm, được coi như tết Nguyên đán của người Việt. Đến tháng Ka Tê, vùng đồng bào Chăm rộn ràng mở hội, mọi công việc tập trung để chuẩn bị cho “tết Ka Tê”, dọn dẹp nhà cửa, xóm làng, mua sắm quần áo mới; người Chăm đang là công chức, viên chức được nghỉ “tết” như người Việt được nghỉ tết Nguyên đán, các cơ quan tổ chức đi thăm, tặng quà Hội đồng Chức sắc Chăm Bà la môn, đi chúc “tết” bà con ở các palei Chăm. Lễ hội Ka Tê kéo dài cả tháng nhưng tập trung vào ba ngày chính, trong đó có lễ đón – rước y trang về đền Po Inư Nugar, lên tháp Po Klaung Girai và Po Rame. Xét về nội dung và hình thức và các đặc điểm thể hiện ở lễ hội Ka Tê, lễ hội này được coi là “tết” của người Chăm. Nhưng nếu xét về nguồn gốc và các đặc trưng của tết năm mới cổ truyền, lễ hội Ka Tê không phải là “tết” của người Chăm bởi những lý do sau đây.

Về thời gian lễ hội: 3 ngày chính của lễ hội Ka Tê được tổ chức từ ngày 30 tháng 6 đến ngày 2 tháng 7 Chăm lịch. Như vậy, đây là lễ hội giữa năm theo lịch Chăm. Các dân tộc chịu ảnh hưởng của lịch Saka không tổ chức tết năm mới ở thời điểm này.

Về đặc trưng cộng đồng: Lễ hội Ka Tê chỉ dành cho cộng đồng người Chăm Ahier (Chăm ảnh hưởng Bà La Môn)<sup>1</sup>. Các nghi lễ tập trung rước y trang về đền, lên tháp và tập trung lớn nhất là các nghi lễ trên tháp Po Klaung Girai bao gồm lễ mở cửa tháp, lễ tắm tượng, lễ mặc y trang cho tượng Mukhalinga Po Klongirai, lễ cúng nhân thần Po Klaung Girai - một vị vua Chăm thế kỷ thứ XII – XIII (1151 – 1205) có nhiều công lao đối với người Chăm. Như vậy, rõ ràng lễ hội Ka Tê không phải là “tết năm mới” hay “tết cổ truyền” chung của cộng đồng dân tộc Chăm. Lễ hội Ka tê diễn ra vào giữa năm lịch Chăm (thường vào khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10 dương lịch) Đây là thời điểm cuối thu, mùa màng đã thu hoạch xong. Vì vậy, có thể

từ nguồn gốc, Ka tê cũng có yếu tố của một nghi lễ nông nghiệp lúa nước. Người Lạc Việt từ xa xưa cũng mở hội vào mùa thu. Sách Hán thư của Trung Quốc chép rằng người Lạc Việt đến mùa thu tháng tám thì mở hội. Sách Thái bình hoàn vũ ký (Trung Quốc) viết rằng người Lạc Việt không biết tết, biết năm, cứ lấy ngày Sửu, tháng tám làm ngày hội, già trẻ chúc tụng nhau, coi đó là ngày đầu năm (Lê Văn Lan, 1983). Như vậy ở đây có mối liên hệ nào đó giữa lễ hội Ka tê và một lễ hội từ xa xưa được coi là tết ở Lạc Việt. Lễ hội Ka Tê còn ghi dấu ấn ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Nếu tính về thời điểm thì lễ hội Rija Nugar trùng với lễ hội Hôli, lễ hội Ka tê trùng với lễ hội Dasera của Ấn Độ. Phải chăng do ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ nên người Chăm cũng có 2 lễ hội lớn, một vào đầu năm và một vào giữa năm? Như vậy, nếu căn cứ theo thời gian, Katê không phải là *tết năm mới* của người Chăm mà là tết giữa năm.

### **3.2. Lễ hội Rija Nugar có phải là “tết năm mới” của người Chăm?**

Nếu xét về thời gian, đặc trưng dân gian, tính cổ truyền trong hệ thống lễ hội của người Chăm, lễ hội Rija Nugar mới là “tết năm mới” của người Chăm xưa. Mặc dù hiện nay, lễ hội này được tổ chức với qui mô nhỏ và không được người Chăm coi là “tết” của mình.

Lễ hội Rija Nugar xưa kia là lễ hội lớn nhất trong hệ thống lễ hội Rija của người Chăm<sup>2</sup>. Lễ hội Rija Nugar có không gian rộng lớn, ở tất cả các vùng có người Chăm sinh sống, với sự tham gia của toàn thể cộng đồng người Chăm, không phân biệt tôn giáo. Rija Nugar là một lễ hội gắn với nông lịch và có tính chất của một lễ hội chuyển mùa, làm cho ta suy nghĩ về một lễ hội mang tính bản địa lâu đời của người Chăm, không phải du nhập từ bên ngoài theo dòng chảy tôn giáo, nhưng về sau đã bị các lớp văn hóa tôn giáo chồng xếp lên. Chúng tôi đã đi phỏng vấn một số bà con dân tộc Chăm, trong tâm thức của họ hôm nay, không ai có ý nghĩ rằng Rija Nugar là tết năm mới mà đều lấy lễ hội Ka tê làm “tết” của mình. Mặc dù lễ hội Rija Nugar ngày nay không được coi là “tết” và không được tổ chức rầm rộ, qui mô lớn như lễ hội Ka tê, nhưng qua nghiên cứu, lễ hội này mới chính là “tết” cổ truyền của người Chăm xưa xét theo các tiêu chí sau:

Về thời gian lễ hội: Theo nhà nghiên cứu Ngô Văn Doanh, người Chăm tiếp nhận lịch theo hệ thống lịch Saka của Ấn Độ và lễ hội Rija Nugar diễn ra vào khoảng tháng 2 lịch Chăm, nghĩa là vào khoảng tháng 4 dương lịch<sup>3</sup>. Về thời tiết thì lúc này sao Rua (sao Tua rua) xuất hiện, là lúc kết thúc mùa khô và bắt đầu mùa mưa ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận. Nếu căn cứ theo thời gian, nông lịch ứng với vũ trụ như mặt trăng, mặt trời, các vì sao và căn cứ vào sự chuyển mùa, ở vùng người Chăm là chuyển từ mùa khô sang mùa mưa thì lễ hội Rija Nugar rõ ràng là lễ hội chuyển mùa. *“Như vậy là qua phân tích lịch pháp, lịch cây trồng cũng như bức tranh lễ hội chung của các dân tộc Việt Nam và Đông Nam Á, chúng tôi nhận thấy lễ hội Rija Nugar của người Chăm là lễ tết đầu năm đánh dấu sự chuyển mùa - là tiễn đưa năm cũ đi, đón năm mới tới và chủ yếu là vừa tống tiễn mùa khô nóng đi, đón mùa mưa tới”*(Ngô Văn Doanh, 1998, 32-33). Đây là căn cứ quan trọng để giải thích vì sao lễ hội Rija Nugar trùng với tết đón năm mới của các cư dân Đông Nam Á.

### **4. Lễ hội “ăn lúa mới” của người Raglai và tết năm mới**

Raglai là một trong năm tộc người thuộc ngữ hệ Malayo - Polinésien ở Việt Nam. Người Raglai cư trú ở vùng núi cao dọc sườn đông cuối dãy Trường Sơn, phía tây các tỉnh cực Nam Trung bộ gồm Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Đồng.

Đã từ lâu, người Raglai không biết *tết năm mới* của dân tộc mình vào thời điểm nào. Người Raglai không có *tết năm mới* của riêng mình mà chỉ tổ chức một số lễ hội cổ truyền.

Trước tình hình ấy, vào năm 2001, Tỉnh ủy Ninh Thuận đã có văn bản chỉ đạo cho các cấp chính quyền vùng đồng bào Raglai tổ chức cho bà con Raglai đón năm mới cùng với tết năm mới của người Việt<sup>4</sup>. Với góc độ nghiên cứu khoa học văn hóa, chúng tôi thấy một vấn đề đặt ra là cần phải đi tìm và khôi phục lại tết năm mới cổ truyền của người Raglai.

Người Raglai cũng như các dân tộc Malayo - Polinésien khác ở Việt Nam, chịu ảnh hưởng của thời tiết khí hậu của miền Trung - Tây Nguyên với 2 mùa mưa nắng rõ rệt. Với vùng khí hậu khô nóng như ở các tỉnh Nam Trung Bộ, các cây trồng phụ thuộc chủ yếu vào thiên nhiên. Để trồng lúa và các loại hoa màu khác, người Raglai có các nghi lễ liên quan đến đất đai, nương rẫy như lễ cúng rẫy cũ, lễ đốt rẫy, dọn rẫy mới (du canh). Người Raglai cũng có những nghi lễ theo chu kỳ cây lúa như: lễ triã hạt, lễ cúng lúa chửa (cúng bà đỡ), lễ cúng lúa chín, lễ hội *ăn lúa mới*, lễ hội *ăn đầu lúa*.

Trong các nghi lễ nông nghiệp của người Raglai, đáng chú ý là lễ hội *ăn mừng lúa mới* và lễ hội *ăn đầu lúa*. Nhưng trong hai lễ ấy, lễ hội *ăn đầu lúa* không được tổ chức định kỳ hàng năm mà ba hay bảy năm mới làm một lần. Vì vậy, chúng tôi chỉ tập trung xem xét các thành tố của lễ hội *ăn mừng lúa mới*.

Để xác định một lễ hội mang tính chất *tết năm mới* hay không, chúng tôi dựa vào các đặc trưng dân gian của lễ hội là: thời gian, tính cộng đồng, tính nguyên hợp của lễ hội.

Về thời gian lễ hội: Hàng năm, cứ vào khoảng cuối tháng 3, đầu tháng 4 dương lịch, khi tiếng sấm vang lên với quan niệm là bắt đầu khai thông đất trời, âm dương giao hòa, cây cối đâm chồi nảy lộc là người Raglai lại tổ chức làm lễ *ăn mừng lúa mới*. Lúc này, mùa màng đã thu hoạch xong, lúa, bắp đã *về đạu trong nhà* (theo cách nói của người Raglai, tức là khi lúa bắp đã được đưa lên nhà sàn kho) nhưng chưa ai được phép lấy ra ăn<sup>5</sup>. Muốn lấy lúa, bắp ra ăn, phải làm lễ cúng *ăn mừng lúa mới*. Như vậy, nếu căn cứ theo thời gian, nông lịch ứng với vũ trụ như mặt trăng, mặt trời, các vì sao và căn cứ vào sự chuyển mùa ở vùng Nam Trung Bộ là chuyển từ mùa khô sang mùa mưa thì lễ hội *ăn mừng lúa mới* rõ ràng là lễ hội chuyển mùa. Đây là căn cứ quan trọng để giải thích vì sao lễ hội *ăn mừng lúa mới* trùng với tết đón năm mới của các cư dân Đông Nam Á, và chính là *tết năm mới* của người Raglai.

Về tính cộng đồng: Theo các cụ già Raglai kể lại, cách đây mấy chục năm, lễ *ăn mừng lúa mới* được tổ chức lớn hơn ngày nay nhiều. Tất cả các dòng tộc đều tổ chức và coi lễ *ăn mừng lúa mới* là lễ hội đầu năm, tương tự như lễ hội Rija Nugar của người Chăm. Mặc dù mọi người không đến từng nhà chúc tụng nhau, nhưng tất cả lời chúc tụng đều đã thể hiện trong lời cầu khẩn của ông thầy cúng trong nghi lễ *ăn mừng lúa mới*.

*Phần lễ*: Là cư dân nông nghiệp Đông Nam Á, tín ngưỡng dân gian của người Raglai là tín ngưỡng đa thần. Người Raglai tin rằng có rất nhiều thần linh ngự ở khắp mọi nơi: thần núi, thần suối, thần sông, thần mặt trời, thần mưa, thần gió, thần cây cỏ, hồn lúa, hồn bắp... mặc dù các *yang* (thần) đều vô hình nhưng luôn chi phối cuộc sống hàng ngày của người Raglai, ban cho mùa màng tươi tốt, cho con người khỏe mạnh, không ốm đau bệnh tật. Ông bà tổ tiên tuy đã tụ tập về thế giới bên kia nhưng luôn phù hộ cho con cháu làm ăn. Vì vậy, khi thu hoạch lúa bắp, việc đầu tiên là phải làm lễ cúng tạ ơn thần linh.

Mục đích chính của lễ hội *ăn lúa mới* là lễ chuyển mùa, tống tiễn mùa khô, cầu mưa, cầu nước cho vụ mùa tươi tốt. Lễ còn là sự đánh dấu kết thúc một chu kỳ sản xuất trong năm với sự mừng vui, ơn trả nghĩa đền đối với tổ tiên, đối với các *yang* đã nhớ lời cầu khẩn trong lễ cúng năm trước mà ban cho được mùa, trước khi hưởng thụ thành quả lao động. Theo chu kỳ, lễ



lại nhằm mục đích tạ ơn các *yang* của mùa vụ cũ và cầu khẩn tốt đẹp hơn cho vụ mùa tới. Lễ hội còn là dịp để bà con trong dòng tộc nội, ngoại ở các nơi tụ hội về gặp mặt, thăm hỏi nhau. Mâu thuẫn trong gia tộc nếu có cũng được hòa giải từ các cần hút cấm chung trong một chén rượu cần cúng tổ tiên.

*Phần hội:* Sau khi các thầy cúng làm xong các nghi lễ cúng kính, đội mã la (một loại chiêng bằng, không có núm) bắt đầu múa vòng tròn và đánh trống, chiêng và mã la. Dẫn đầu là người đánh trống lớn, ăn mặc chỉnh tề từ ngoài sân đi vào nhà, theo sau là 7 hoặc 9 nhạc công mã la (bộ mã la Raglai được coi như một gia đình mẫu hệ, mã la mẹ và các mã la con gái: mã la con cả, mã la con giữa, mã la con thứ, mã la con út). Họ vừa nhảy múa vừa đánh hàng chục điệu mã la. Mọi người mời nhau uống rượu cần trong không khí vui vẻ. Nhiều thanh niên mang theo các nhạc cụ của mình như kèn môi, kèn bầu saraken, đàn chapi và tâm sự với nhau bằng các âm thanh nhạc cụ và các làn điệu hát giao duyên rất phong phú như các điệu: manhi, hari, sari, mayeng, kathơng, doh dăm da ra... Mọi người uống rượu cần, đánh mã la, nhảy múa suốt đêm.

Qua phân tích các đặc trưng dân gian, nguyên hợp và các yếu tố về thời gian, không gian của lễ hội *ăn mừng lúa mới*, chúng tôi cho rằng lễ hội này chính là *tết năm mới* xưa kia của tộc người Raglai. Rất cần có các công trình nghiên cứu sâu hơn về lễ hội này và đi đến kết luận cuối cùng. Nếu đúng lễ hội *ăn mừng lúa mới* thực sự là *tết năm mới*, thì cần có kế hoạch khôi phục lại đầy đủ các yếu tố gốc của lễ hội và tạo điều kiện cho bà con Raglai tổ chức *tết năm mới* riêng cho mình, vừa nhằm góp phần bảo tồn sắc thái văn hóa truyền thống của dân tộc Raglai, vừa phát huy tính đa dạng trong nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

## 5. Kết luận

Điều kiện tự nhiên, đặc điểm thời tiết, khí hậu ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên khác với Bắc Bộ nên thời khắc chuyển mùa cũng khác. Trong khi tết năm mới ở Bắc Bộ là sự chuyển từ mùa đông giá lạnh sang mùa xuân ấm áp, cây trái ra hoa, đâm chồi nảy lộc rất rõ thì tết năm mới của người Việt ở Nam Trung Bộ diễn ra cùng thời điểm nhưng không phải là sự chuyển mùa. Hiện tượng chuyển mùa ở phía Nam Việt Nam cũng như các nước trong khu vực Đông Nam Á là sự chuyển từ mùa khô sang mùa mưa. Những lễ hội cổ truyền mang tính chất nông nghiệp lúa nước của các dân tộc đều gắn với thời điểm chuyển mùa và có cùng thời gian tổ chức lễ hội. Các dân tộc nơi đây đều tổ chức lễ hội có tính chất "tết năm mới" vào thời điểm chuyển mùa như lễ hội Rija Nugar của người Chăm, lễ hội "Mừng lúa mới" của người Raglai cũng như các dân tộc thiểu số khác ở Tây Nguyên – Thường vào khoảng tháng ba, tháng tư dương lịch (Tháng ba Tây Nguyên). Những lễ hội này gần như trùng với thời gian lễ hội của các cư dân Đông Nam Á có ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ như tết năm mới cổ truyền Soong Kran của người Thái ở Thái Lan, tết năm mới "Bunpimay" của Lào, lễ hội "Chol Chnam Thmây" của người Khơme và tết "Thagyamin" của người Myanma. Những lễ hội này đều có những nghi lễ cầu mưa bằng các hình thức té nước, các nghi lễ phồn thực cho âm gặp dương, cho trời mưa xuống sau một thời gian dài của mùa nắng nóng và khô hạn.

Đối với người Chăm, lễ hội Rija Nugar chính là lễ chuyển mùa, đón năm mới của chung cộng người Chăm theo các tôn giáo khác nhau nhưng ngày nay, lễ hội này không được coi trọng. Người Chăm Ahier coi lễ hội Ka Tê là "tết" của mình và người Chăm Awal cũng vậy, coi lễ Ramuvan là "tết". Nên chăng bà con người Chăm nên khôi phục lễ hội Rija Nugar đầu năm với ý nghĩa là tết năm mới chung cho cả cộng đồng người Chăm ở Nam Trung Bộ.

Đối với người Raglai, đã từ lâu người Raglai không có tết năm mới. Tỉnh ủy Ninh Thuận phải ra văn bản chỉ đạo để bà con Raglai đón tết Nguyên đán cùng với người Việt. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy lễ hội “Ăn mừng lúa mới” chính là lễ hội chuyển mùa, là lễ hội có tính chất “tết” năm mới của người Raglai và một số dân tộc cư trú ở phía Tây các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Nên chăng cần khôi phục và làm giàu lễ hội “Ăn mừng lúa mới” để trở lại là “tết” của các dân tộc này.

### **Chú thích:**

1. Ngày nay, lễ hội Ka Tê được tổ chức ngày càng lớn, ngoài phần lễ chính do các vị chức sắc Balamôn đảm nhận và cộng đồng người Chăm Ahier lên tháp cúng lễ, còn có sự tham gia đông đảo của người Chăm Awal, người Kinh và đông đảo khách du lịch.

2. Người Chăm có hệ thống lễ Rija gồm: Rija Praung (lễ múa lớn), Rija Dayep (lễ múa ban đêm), Rija Haray (lễ múa ban ngày) và Rija Nugar (lễ múa xứ sở).

3. Nhưng qua nghiên cứu và khảo sát, chúng tôi thấy lễ hội Rija Nwgar của người Chăm rơi vào tháng 1 Chăm lịch.

4. Thời gian này, bí thư tỉnh ủy Ninh Thuận là đồng chí Chamalek Điêu, Ủy viên Trung ương Đảng, bí thư tỉnh ủy là người dân tộc Raglai.

5. Người Raglai có hai loại nhà sàn, nhà sàn lớn để ở, nhà sàn làm kho chứa lúa bắp có kích thước nhỏ hơn, chủ yếu để ngăn không cho thú dữ ăn lúa bắp.

### **Tài liệu tham khảo**

Phan Quốc Anh (1999). Lễ hội Katê của người Chăm ở Ninh Thuận. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 05 (179) tr. 80-81.

Phan Quốc Anh (2003). Tết của người Chăm. *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 01 (223), tr. 34-37.

Phan Quốc Anh (2006). Lễ hội ăn lúa mới và Tết năm mới của người Raglai. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 02(260).

Toan Ánh (1992). *Tim hiểu phong tục Việt Nam, nếp cũ, tết, lễ, hội hè*. Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp (1991). *Văn hoá Chăm*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Ngô Văn Doanh (1998). *Lễ hội Rija Nugar của người Chăm*. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

Lê Văn Lan (1983). Bàn về tính chất văn hóa thời đại các vua Hùng. *Tạp chí văn hóa dân gian*, số 2/1983, tr 8,9.